

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Thanh.

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 346/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Chị với anh Huỳnh Văn Đ thông qua M mối mà tiến đến quan hệ hôn nhân. Từ năm 2013 đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ hay nhắc lại chuyện cũ, vu khống chị có quan hệ bất chính, hiện anh chị vẫn còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm tới ai. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Hiếu N sinh năm 2003 đã chết và Huỳnh Hoàng A, sinh ngày 26/9/2008. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Ly hôn do cháu Huỳnh Hiếu N đã mất nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Huỳnh Hoàng A chị đồng ý giao cho anh Đ nuôi, chị không phải cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản - nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Văn Đ trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Tuyết M về quá trình tiến đến hôn nhân, con chung, tài sản nợ chung. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị M, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị M vì muốn con có đủ cả cha lẫn mẹ, cha mẹ hai bên không đồng ý cho ly hôn, nợ chung hai bên chưa tự thỏa thuận được và xin có thời gian để anh hàn gắn với chị M. Vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013, hiện hai vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì:

- Về con chung: Đối với cháu Huỳnh Hiếu N đã mất nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Huỳnh Hoàng A anh đồng ý nuôi dưỡng, không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản - nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện ly hôn bị đơn anh Huỳnh Văn Đ, anh Đ có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Huỳnh Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/12/2002 tại Quyết số 02/2002, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Tuyết M cương quyết yêu cầu được ly hôn, anh Huỳnh Văn Đ không đồng ý ly hôn nhưng anh lại không đưa ra được biện pháp thiết thực nào để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ mà xin thời gian để anh hàn gắn với chị M. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Đ, tiến hành tổ chức phiên hòa giải cho các đương sự cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay là một thời gian dài nhưng anh vẫn không làm thay đổi được ý chí của chị M xin ly hôn đối với anh. Mặt khác anh Đ cũng thừa nhận giữa hai vợ chồng đã mâu thuẫn từ năm 2013, anh càng khuyên thì chị M càng không nghe, hai vợ chồng còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm tới ai là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu,

chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” như theo quy định tại khoản 1 điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị M với anh Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Huỳnh Văn Đ có 02 con chung tên Huỳnh Hiếu N, sinh năm 2003 đã mất nên không đặt ra xem xét, và Huỳnh Hoàng A, sinh ngày 26/9/2008. Khi ly hôn, chị M và anh Đ thống nhất giao Hoàng Ân cho anh Đ nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai A cũng có nguyện vọng được sống chung với anh Đ khi chị M và anh Đ ly hôn. Xét thấy, việc thỏa thuận này là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Tuyết M chưa phải cấp dưỡng nuôi con do Huỳnh Văn Đ chưa yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết M. Cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Hoàng A, sinh ngày 26/9/2008 cho anh Huỳnh Văn Đ nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Tuyết M được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005634 ngày 13/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 13 tháng 8 năm 2020.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 346/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về: “ Tranh chấp ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều

27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết M. Cho chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Huỳnh Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Hoàng A, sinh ngày 26/9/2008 cho anh Huỳnh Văn Đ nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Tuyết M không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005634 ngày 13/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 13 tháng 8 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)